

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÁC ÁI  
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST  
Ngày: 10-01-2024  
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁC ÁI, TỈNH NINH THUẬN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Pinăng Thị Nở.

Bà CaDá Thị Linh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXX-ST ngày 02 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N1.

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng Giám đốc A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn N - Chức vụ: Giám đốc A - Chi nhánh huyện B, tỉnh Ninh Thuận. (Theo Quyết định ủy quyền số: 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc A)

Địa chỉ chi nhánh: thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị H - Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh A - Chi nhánh huyện B, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

Theo văn bản ủy quyền số: 187/UQ-NHNoNT-BA ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Giám đốc A - Chi nhánh huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Chị Mai Xuân Liên C, sinh năm 1989. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Bùi Thanh H1**, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: **thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.**

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người được ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 27/4/2021, **Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện B, tỉnh Ninh Thuận** (sau đây gọi tắt là: **A**) có cho chị **Mai Xuân Liên C** vay tiền thông qua Hợp đồng tín dụng số: 4909LAV202100446; Cụ thể như sau:

- Số tiền cho vay: 30.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 24 tháng, tính từ ngày 27/4/2021 đến ngày 27/4/2023.
- Mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi bò sinh sản.
- Lãi suất trong hạn: 7,5%/năm tính trên nợ gốc.
- Phương thức áp dụng: Lãi suất điều chỉnh theo từng thời kỳ.
- Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.
- Lãi suất hiện nay: 8,5 %/năm.
- Định kỳ trả nợ gốc: 02 kỳ.
- Định kỳ trả lãi: 12 tháng/lần.
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Không có bảo đảm bằng tài sản.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, **A** đã giải ngân cho chị **C** đầy đủ số tiền 30.000.000 đồng.

Trong quá trình vay vốn, chị **C** không trả cho **A** bất kỳ khoản nợ gốc và nợ lãi nào. Mặc dù **A** đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, yêu cầu chị **C** thanh toán các khoản nợ đến hạn nhưng chị **C** vẫn không trả nợ. Tính đến ngày 10/01/2024, chị **C** còn nợ **A** số tiền: 36.629.588 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 30.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 5.329.109 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 1.300.479 đồng.

Nay **Ngân hàng N1** khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc chị **Mai Xuân Liên C** phải trả cho **A** toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/01/2024 với số tiền là: 36.629.588 đồng.

2. Buộc chị **Mai Xuân Liên C** phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 11/01/2024 đối với số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hết nợ cho **A**.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người được ủy quyền lại của **A** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Theo Biên bản lấy lời khai ngày 20/11/2023 tại nhà bị đơn chị **Mai Xuân Liên C** trình bày: Ngày 27/4/2021, chị có ký hợp đồng tín dụng với **A - Chi nhánh huyện B, tỉnh Ninh Thuận** để vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng,*

lãi suất trong hạn là 7,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Chị đã nhận đủ 30.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ gốc và lãi, do gặp khó khăn về kinh tế nên chị không thể trả nợ cho Ngân hàng. Nay chị đồng ý một mình trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì hiện nay chị mới sinh con nhỏ nên không thể đến Tòa án để giải quyết vụ án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Bùi Thanh H1**: Đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh **H1** vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.*

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc chị **Mai Xuân Liên C** phải trả cho **A** toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/01/2024 với số tiền là: 36.629.588 đồng.

2. Buộc chị **Mai Xuân Liên C** phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 11/01/2024 đối với số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hết nợ cho **A**.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### [1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: **A** khởi kiện, yêu cầu chị **Mai Xuân Liên C** phải trả số tiền nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 4909LAV202100446 ký ngày 27/4/2021. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại **huyện B, tỉnh Ninh Thuận**; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

Về sự vắng mặt của đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ

án để làm cơ sở giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

## **[2] Về nội dung tranh chấp:**

**[2.1]** Xét yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng N1** về việc buộc chị **Mai Xuân Liên C** phải trả số tiền đã vay. Bao gồm: Nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn, tính đến ngày 10/01/2024 là 36.629.588 đồng.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đối chiếu Hợp đồng tín dụng số: 4909LAV202100446 ký ngày 27/4/2021, phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ cùng ngày 27/4/2021, phương án sử dụng vốn kiêm báo cáo đề xuất cho vay, giấy ủy quyền ngày 26/4/2021 giữa anh **Bùi Thanh H1** và chị **Mai Xuân Liên C**, thấy rằng các giấy tờ trên đều có chữ ký của chị **Mai Xuân Liên C**. Biên bản lấy lời khai ngày 20/11/2023, chị **Mai Xuân Liên C** thừa nhận có vay tiền của **A** để chăn nuôi bò sinh sản. Căn cứ vào các chứng cứ trên có đủ cơ sở để xác định: Ngày 27/4/2021, chị **Mai Xuân Liên C** ký hợp đồng tín dụng để vay của **A** số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, mục đích chăn nuôi bò sinh sản, lãi suất trong hạn là 7,5%/năm, phương thức áp dụng lãi suất điều chỉnh theo từng thời kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, định kỳ trả nợ gốc 02 kỳ (27/4/2022 và 27/4/2023), định kỳ trả lãi 12 tháng/lần. Giao dịch giữa **A** - **Chi nhánh huyện B** với chị **Mai Xuân Liên C** được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội, đúng quy định tại khoản 16 Điều 4 của Luật các Tổ chức tín dụng nên đây là giao dịch hợp pháp.

Đến hạn trả nợ, chị **Mai Xuân Liên C** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm cam kết tại Điều 7 của Hợp đồng tín dụng đã ký. Ngày 28/4/2022, **A** đã chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với dư nợ gốc mà chị **C** không trả theo thỏa thuận là phù hợp với Điều 2 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 10/01/2024, chị **Mai Xuân Liên C** còn nợ **A** số tiền 36.629.588 đồng, trong đó: nợ gốc 30.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 5.329.109 đồng, nợ lãi quá hạn 1.300.479 đồng.

Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà **A** đã cung cấp cho Tòa án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì chị **Mai Xuân Liên C** và anh **Bùi Thanh H1** đều vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của **A**. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì yêu cầu khởi kiện của **A** là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[2.2]** Về mức lãi suất và phương thức tính lãi: **A** áp dụng mức lãi suất đối với cá nhân, hộ gia đình vay vốn không có bảo đảm bằng tài sản thế chấp, được **A** điều chỉnh theo từng thời kỳ. Lãi suất hiện nay là 8,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thấy rằng: Mức lãi suất và phương thức tính lãi của **A** thể hiện tại Bảng kê tính lãi là đúng như sự thỏa thuận giữa hai bên tại Hợp đồng tín dụng số: 4909LAV202100446 ký ngày 27/4/2021; Phù hợp với Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng. Mức lãi suất đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ

chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong Hợp đồng tín dụng.

[2.3] Do yêu cầu khởi kiện của **A** được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận. Vì vậy, chị **Mai Xuân Liên C** còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 11/01/2024 với mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 4909LAV202100446 ký ngày 27/4/2021 mà chị **C** đã ký với **A** cho đến khi thi hành án xong.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 228, Điều 271, 273 và 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280, 357 và 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 16 Điều 4 và Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng N1**.**

Buộc chị **Mai Xuân Liên C** phải trả cho **Ngân hàng N1** số tiền nợ vay 36.629.588 đồng (*Ba mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn năm trăm tám mươi tám đồng*), trong đó:

- Nợ gốc: 30.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 5.329.109 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 1.300.479 đồng.

Kể từ ngày 11/01/2024, chị **Mai Xuân Liên C** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 4909LAV202100446 ký ngày 27/4/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số 4909LAV202100446 ký ngày 27/4/2021, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của **Ngân hàng N1** thì lãi suất mà chị **Mai Xuân Liên C** phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của **Ngân hàng N1**.

**2. Về án phí:** Chị **Mai Xuân Liên C** phải chịu 1.831.500 đồng (đã làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm.

**Ngân hàng N1** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho **Ngân hàng N1** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 864.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000032 ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Ái.

**3.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4.** Về quyền kháng cáo: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Bắc Ái;
- Chi cục THADS huyện Bắc Ái;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Kim Đồng**